

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HS-ST

Ngày: 05/02/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán sơ cấp - Chủ tọa phiên toà: **Bà Triệu Thúy Hà.**

- Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Mai.**

2. Ông Dương Xuân Thìn.

- Thư ký phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Hương** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: Bà **Lê Thị Thanh Vân** - Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ - Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Đinh Công S, sinh năm 1989 tại Hà Nội; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Ngọc G, xã Vĩnh N, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 08/12; Bố đẻ: Đinh Văn Đ (đã chết); Mẹ đẻ: Đinh Thị P; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Hạ Thị H. Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016.

Về Nhân thân:

Tiền án, tiền sự: 02 tiền án.

+ Ngày 17/8/2013, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 23 tháng 12 ngày kể từ ngày 17/8/2013 về tội Đánh bạc (Bản án số 603/2013/HSPT). Xác minh thi hành án dân sự xác định bị cáo đã chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí ngày 11/10/2013. Án tích đã được xóa.

+ Ngày 29/5/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 25 tháng tù về tội Đánh bạc (Bản án số 372/2017/HSPT). Ra trại ngày 17/4/2019. Xác minh thi hành án dân sự xác định bị cáo đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự và án phí ngày 26/6/2017 và 13/8/2018. Án tích chưa được xóa.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/9/2020, tạm giam từ ngày 07/10/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – CATP Hà Nội. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Họ tên: Đoàn T, sinh năm 1999 tại Bình Định; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Chánh L, Cát Tường, Phú C, Bình Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Đoàn T; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Kim T; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo chưa có vợ, con.

Về Nhân thân:

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/9/2020, tạm giam từ ngày 07/10/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - CATP Hà Nội (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Họ tên: Lưu Văn Q, sinh năm 1996 tại Vĩnh Phúc; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Núc H, Hồ S, Tam Đ, Vĩnh Phúc; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Lưu Văn D; Mẹ đẻ: Hoàng Thị H; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Nguyễn Thị Thanh H. Có 01 con sinh năm 2020.

Về Nhân thân:

Tiền án, tiền sự: 01 tiền án.

Ngày 17/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 12 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (Bản án số 141/2020/HSST). Đến khi phạm tội Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/9/2020, tạm giam từ ngày 07/10/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - CATP Hà Nội (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Họ tên: Phan Ngọc T1, sinh năm 1997 tại Hà Nội; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Lộc H, Mai L, Đ, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 11/12; Bố đẻ: Phan Ngọc A; Mẹ đẻ: Lê Thị N; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai. Bị cáo chưa có vợ, con.

Về Nhân thân:

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 30/9/2020, tạm giam từ ngày 07/10/2020 được hủy bỏ Quyết định tạm giữ, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đinh Văn P (SN: 1989; HKTT: Đồng T, Triệu S, Thanh Hóa)
2. Đặng Bảo L (SN: 1995; HKTT: Dư Hàng K, Lê C, Hải Phòng)
3. Nguyễn Thái H (SN: 1994; HKTT: Phố 5, phường Đông C, thành phố Thanh H, tỉnh Thanh Hóa)

4. Phạm Đắc K (SN: 1997; HKTT: Phố 5, phường Đông C, thành phố Thanh H, tỉnh Thanh Hóa)
 5. Hà Thị L1 (SN: 2001; HKTT: Thọ P, Kiên T, Ngọc L, Thanh Hóa).
 6. Ngân Thị T2 (SN: 1999; HKTT: Bản L, Sơn L, Văn C, Yên Bái).
 7. Sa Thị Minh L2 (SN: 2000; HKTT: Nà L, Sơn L, Văn C, Yên Bái).
 8. Nguyễn Yến N (SN: 06/8/2003, HKTT: Tổ 22, Túc D, thành phố Thái N, tỉnh Thái Nguyên).
 9. Nguyễn Bá Q1 (SN: 1994; HKTT: Thôn 4, thị trấn N, Triệu S, Thanh Hóa)
 10. Đinh Văn T3 (SN: 1978; HKTT: Ngọc G, Vĩnh N, Đ, Hà Nội).
- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ ngày 28/9/2020, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an huyện Đ phối hợp với Công an xã Vĩnh N tiến hành kiểm tra quán Karaoke 89 có địa chỉ tại Ngọc G, Vĩnh N, Đ, Hà Nội do Đinh Công S làm chủ. Tại thời điểm kiểm tra khu vực gần quầy lễ tân có Đinh Công S, Đoàn T, Nguyễn Bá Q1 (SN: 1994; HKTT: Thôn 4, thị trấn N, Triệu S, Thanh Hóa) đang đứng gần quầy và quán có phòng số 1 đang có khách. Tiến hành kiểm tra phòng số 1 của quán, trong phòng có 04 nam là Đinh Văn P (SN: 1989; HKTT: Đồng T, Triệu S, Thanh Hóa), Đặng Bảo L (SN: 1995; HKTT: Dư Hàng K, Lê C, Hải Phòng), Nguyễn Thái H (SN: 1994; HKTT: Phố 5, phường Đông C, thành phố Thanh H, tỉnh Thanh Hóa), Phạm Đắc K (SN: 1997; HKTT: Phố 5, phường Đông C, thành phố Thanh H, tỉnh Thanh Hóa) và 04 nữ giới là Hà Thị L1 (SN: 2001; HKTT: Thọ P, Kiên T, Ngọc L, Thanh Hóa), Ngân Thị T2 (SN: 1999; HKTT: Bản L, Sơn L, Văn C, Yên Bái), Lò Thị Q2 (SN: 2000; HKTT: Nong O, Nong H, Sìn H, Lai Châu), Bùi Thị L (SN: 1998; HKTT: Bãi T, Đông L, Tân L, Hòa Bình) đang ở trong phòng. Qua kiểm tra, tổ công tác phát hiện và thu giữ trên bàn trong phòng có 01 đĩa sứ màu trắng, đường kính khoảng 15cm đã qua sử dụng, trên mặt đĩa có: 01 túi nilon, màu trắng kích thước khoảng (3x6)cm đã qua sử dụng, 01 ống hút tự chế được quấn bằng tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng và 01 thẻ ngân hàng TPBank số 9704235554892937.

Kiểm tra phòng nghỉ của nhân viên có Lưu Văn Q, Nguyễn Yến L1 (SN: 11/6/2005; HKTT: Tổ 22, Túc D, thành phố Thái N, tỉnh Thái Nguyên), Sa Thị Minh L2 (SN: 2000; HKTT: Nà L, Sơn L, Văn C, Yên Bái), Nguyễn Yến N (SN: 06/8/2003, HKTT: Tổ 22, Túc D, thành phố Thái N, tỉnh Thái Nguyên) và Hà Thị Khánh M (SN: 1999; HKTT: Tổ 3, Ngọc H, thành phố Hà G, tỉnh Hà Giang).

Tổ công tác đã lập biên bản đưa các đối tượng trên về trụ sở tiếp tục để tiếp tục điều tra làm rõ.

Ngoài ra còn tạm giữ:

- Cửa Đoàn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số thuê bao 1: 0395830503, số thuê bao 2: 0902166147; 2.350.000 đồng.

- Tại quầy lễ tân: 01 quyển hóa đơn thanh toán và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IteL, số thuê bao: 0373163875.

Tại Bản Kết luận giám định số 8679/KLGD-PC09 ngày 05/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội, kết luận: 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 15cm, 01 túi nilon kích thước (3x6)cm, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cuộn thành ống và 01 thẻ ngân hàng TPBank đều có dính ma túy loại Ketamine.

Tại Cơ quan điều tra, Đinh Công S, Đoàn T, Lưu Văn Q, Phan Ngọc T1 khai nhận:

Khoảng 21 giờ ngày 27/9/2020, Đinh Văn P, Nguyễn Bá Q1, Đặng Bảo L và Hà Thị L1 đi đến quán Karaoke 89 có địa chỉ tại Ngọc G, Vĩnh N, Đ, Hà Nội gặp Đinh Công S (chủ quán) đặt vấn đề thuê phòng hát, S đồng ý và bố trí phòng 1 của quán cho P, Q1, L và L1. Khi P, Q1, L và L1 đi vào phòng thì có hai nhân viên của quán là Lò Thị Q2 và Bùi Thị L vào phòng để phục vụ. P, Q1, L, L1, Q2 và L hát được khoảng 01 tiếng thì có Nguyễn Thái H và Phạm Đắc K tiếp tục vào phòng, khi vào phòng có thêm lần lượt hai nhân viên là Ngân Thị T2 và Sa Thị Minh L2 vào phòng. Trong quá trình hát, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên P, Q1, L, H và K bàn nhau cùng góp tiền mua ma túy để sử dụng. Sau đó, P, Q1 và L góp mỗi người 2.000.000 đồng còn H và K mỗi người góp 1.000.000 đồng. Góp tiền xong P cầm tiền đi ra ngoài gặp S đặt vấn đề cho sử dụng ma túy, S đồng ý. Do không biết nơi mua ma túy nên P hỏi S biết chỗ nào bán ma túy không, thì S bảo để S hỏi. Sau đó, S chỉ đạo Đoàn T – là quản lý của quán cho Phòng số 1 sử dụng ma túy, đồng thời chỉ đạo T tăng giá tiền phòng từ 200.000 đồng/01 giờ lên 300.000 đồng/01 giờ và có nói lại việc khách không biết chỗ mua ma túy cho Q (có quan hệ xã hội với S, đến quán ở nhờ để chờ ngày đi thi hành án) và T biết. Q hỏi T về giá ma túy thì được T báo giá là 500.000 đồng/01 viên ma túy “kẹo”, 3.500.000 đồng /01 chỉ ma túy “ke”. Q chủ động gặp P để hỏi P về việc P muốn mua ma túy thế nào, thì P đặt vấn đề mua cho P 05 viên ma túy “kẹo” và một chỉ ma túy “ke”, Q đồng ý và báo giá như giá T nói, P đồng ý và đưa cho Q 7.000.000 đồng (gồm cả tiền xe đi mua). Q cầm tiền và đi đến quầy lễ tân của quán gặp T báo số lượng ma túy khách muốn mua và đưa tiền cho T. Trước đó, T đã đi ra cổng nhà nghỉ Việt Đức có địa chỉ tại Ngọc G, Vĩnh N, Đ, Hà Nội sát với quán Karaoke 89 gặp Phan Ngọc T1 và hỏi T1 có ma túy không, thì T1 trả lời có và đi vào nhà nghỉ. Sau khi cầm tiền Q đưa, T gọi taxi và sử dụng số điện thoại 0902166147 của T để gọi đến số điện thoại 0987588831 của T1 để đặt vấn đề mua ma túy như khách yêu cầu, T1 đồng ý, thống nhất hết tổng số tiền là 4.000.000 đồng và bảo T đợi. Trên đường ra xe taxi thì T báo với Q việc mua số ma túy khách đặt chỉ hết 4.000.000 đồng, lúc này Q và T hiểu sẽ cắt lại số tiền chênh lệch là 2.000.000 đồng để chia nhau (việc T và Q bàn nhau mua ma túy cho khách thì

S không biết). Khi Q và T lên xe đợi một lúc thì T1 vào đi taxi và bảo lái xe đi về khu vực Lộc H, Mai L, Đ, Hà Nội. Đến khu vực chùa Lộc H thì Q và T đợi còn T1 đi đâu T và Q không biết, khoảng 10 phút sau thì T1 quay lại rồi cùng Q và T đi về trước cửa nhà nghỉ Việt Đức. Đến nơi, T1 đưa cho T 01 túi nilon bên trong chứa 05 viên ma túy “kẹo” và 01 túi ma túy “ke”, T cầm sau đó đưa cho T1 4.000.000 đồng và trả 200.000 đồng tiền đi taxi. Trên đường về quán, T đưa ma túy và 800.000 đồng (là tiền thừa theo giá Q báo với khách) cho Q, Q cầm ma túy và tiền thừa cho P, được P cho 300.000 đồng là tiền công đi mua ma túy và tiền trả taxi, Q cầm số tiền này và đưa lại cho T. Sau khi mua được ma túy, P mượn Q đĩa Sứ và cầm số ma túy Q đưa mang vào phòng chia đều số ma túy “kẹo” cho những người có mặt trong phòng còn số ma túy “ke” thì đưa cho Q1 để Q1 đổ ra đĩa sứ (là đĩa Q mang vào) rồi “xào ke” cho mọi người trong phòng sử dụng, L1 là người chế ông hút bằng tờ tiền 10.000 đồng. Đến khoảng 01 giờ ngày 28/9/2020, khi P cùng các đối tượng trong phòng 1 đang sử dụng ma túy thì lực lượng Công an đến kiểm tra và phát hiện, thu giữ những vật chứng như đã nêu ở trên. Trước khi lực lượng Công an vào kiểm tra thì Nguyễn Bá Q1 và Sa Thị Minh L2 đã đi ra khỏi phòng.

Căn cứ lời khai, biên bản nhận dạng, dẫn giải xác định địa điểm của Đoàn T1, Lưu Văn Q, Phan Ngọc T1 và các tài liệu khác có trong hồ sơ xác định: Phan Ngọc T1 là người bán ma túy cho T và Q vào ngày 27/9/2020 tại nhà nghỉ Việt Đức có địa chỉ tại Ngọc G, Vĩnh N, Đ, Hà Nội. Ngày 30/9/2020, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Phan Ngọc T1 tại Lộc H, Mai L, Đ, Hà Nội. Quá trình khám xét, Cơ quan điều tra không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến hành vi phạm tội. Quá trình Cơ quan điều tra triệu tập T1 lên làm việc, và Phan Ngọc T1 tự nguyện giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, số thuê bao: 0987588831.

Tại Cơ quan điều tra, Phan Ngọc T1 khai nhận: Cách ngày bị bắt (ngày 30/9/2020) khoảng một tháng, T1 đi đến khu vực Hai Bà Trưng, Hà Nội (T1 không biết địa chỉ chính xác) có tình cờ gặp một người đàn ông và biết người này bán ma túy, do cũng có nhu cầu nên T1 đặt vấn đề mua của người này 10 viên ma túy “kẹo” với tổng giá là 5.000.000 đồng và 4.000.000 đồng tiền ma túy “ke”. Mua được ma túy T1 mang về sử dụng hết một phần ma túy “ke” và 03 viên ma túy “kẹo”, số ma túy còn lại T1 cất giấu tại nhà. Đến khoảng 22 giờ 30 phút ngày 27/9/2020 khi T1 đang ngồi uống nước tại cổng nhà nghỉ Việt Đức tại Ngọc G, Vĩnh N, Đ, Hà Nội (lúc này T1 có mang theo 07 viên ma túy “kẹo”) thì Đoàn T đến gặp T1 vào hỏi T1 còn ma túy không (“kẹo” và “ke”), T1 trả lời “còn” và đi lên phòng 402 của nhà nghỉ Việt Đức. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, khi T1 đang ở trong phòng 402 của nhà nghỉ Việt Đức thì T1 nhận được điện thoại từ số 0902166147 của T gọi đến số 0987588831 của T1 đặt vấn đề mua 05 viên ma túy “kẹo” và một chỉ ma túy “ke”, T1 đồng ý, bảo T đợi và thống nhất hết tổng số tiền là 4.000.000 đồng, T đồng ý. Sau đó T1 để lại 02 viên ma túy “kẹo” tại phòng 402 rồi cầm theo 01 túi nilon chứa 05 viên ma túy “kẹo” rồi đi xuống cổng nhà

ngủ Việt Đức và lên xe taxi cùng T và Lưu Văn Q. T1 bảo taxi đi về khu vực Lọc H, Mai L, Đ, Hà Nội. Đến đầu ngõ vào nhà T1 (khu vực chùa Lọc H) thì T1 bảo T đợi còn T1 một mình đi về nhà lấy 01 túi ma túy “ke” T1 giấu ở cột điện trước cổng nhà và cho vào túi nilon đựng ma túy “keo” rồi đi ra vị trí T đợi. Sau đó cùng T và Q đi taxi về nhà nghỉ Việt Đức. Đến nơi, T1 đưa cho T túi ma túy “keo” và “ke”, T cầm và đưa lại cho T1 4.000.000 đồng đồng thời trả tiền taxi. Sau đó T1 quay về phòng nhà nghỉ còn T và Q đi về quán Karaoke 89. 02 viên ma túy “keo” còn lại sau đó T1 một mình sử dụng hết. Đây là lần đầu tiên T1 bán ma túy cho Đoàn T.

Đối với lời khai của T về việc T1 nhiều lần bán ma túy cho T tuy nhiên T không nhớ thời gian, địa điểm cụ thể, ngoài lời khai của T, không còn nguồn tài liệu nào khác nên Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để điều tra làm rõ.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho T1 tại khu vực Hai Bà Trưng, Hà Nội do T1 không biết tên và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra làm rõ.

Đối với Đinh Văn P, Nguyễn Bá Q1, Đặng Bảo L, Nguyễn Thái H, Phạm Đắc K, Hà Thị L1 và hai nhân viên là Ngân Thị T2 và Sa Thị Minh L2. Qua trình điều tra xác định các đối tượng này có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vi phạm vào khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Ngày 07/12/2020 Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo đối với các đối tượng trên về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với 02 loa màu đen, nhãn hiệu BMD; 01 cây bấm bài hát màu hồng, nhãn hiệu KARA và 01 đầu thu mic có chữ SHURE UGX9II. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của gia đình chị Nguyễn Thị Q3 (SN: 1982; HKTT: Ngọc G, Vĩnh N, Đ, Hà Nội) và anh Đinh Văn T3 (SN: 1978; HKTT: Ngọc G, Vĩnh N, Đ, Hà Nội). Khoảng đầu năm 2018 gia đình chị Q3 có xây dựng và kinh doanh quán Karaoke, sau khi kinh doanh thì chồng chị Q3 là anh Đinh Văn T3 là người đứng tên đăng ký kinh doanh. Sau khi kinh doanh được một khoảng thời gian thì gia đình chị Q3 tạm ngừng kinh doanh. Đến ngày 01/7/2020 gia đình chị Q3 cho Đinh Công S thuê lại. Khi cho S thuê, gia đình chị Q3 cho thuê lại toàn bộ nội thất và các trang thiết bị đang có ở trong phòng bao gồm cả 02 loa màu đen, nhãn hiệu BMD; 01 cây bấm bài hát màu hồng, nhãn hiệu KARA và 01 đầu thu mic có chữ SHURE UGX9II. Việc Đinh Công S sử dụng những trang thiết bị trên để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, gia đình chị Q3 anh T3 không biết. Ngày 24/11/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại sổ tài sản trên cho anh Đinh Văn T3 là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 hộp niêm phong bên ngoài có chữ ký của giám định viên, cán bộ điều tra, Đinh Công S và Nguyễn Bá Q1 bên trong có: 01 đĩa màu trắng, bằng sứ, đường kính khoảng 15cm, trên mặt đĩa có: 01 túi nilon, màu trắng kích thước

khoảng (3x6)cm, 01 thẻ ngân hàng TPBank số 9704235554892937 và 01 phong bì niêm phong có chữ ký của giám định viên, cán bộ điều tra, Đinh Công S và Nguyễn Bá Q1 bên trong có: 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng; 01 quyền hóa đơn thanh toán và 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, số thuê bao: 0373163875; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO lắp sim số thuê bao 1: 0395830503, số thuê bao 2: 0902166147 và 2.350.000 đồng thu giữ của Đoàn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, số thuê bao: 0987588831 thu giữ của Phan Ngọc T1 là vật chứng và tài vật của vụ án cần chuyển Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết.

Bản Cáo trạng số 08/CT-VKSĐA ngày 18/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ quyết định truy tố bị cáo Đinh Công S về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 2, Điều 256 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Đoàn T về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 2, Điều 256 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Lưu Văn Q và Phan Ngọc T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo cùng khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo T1 khai nhận: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 27/9/2020, tại nhà nghỉ Việt Đức, địa chỉ Ngọc G, Vĩnh N, Đ, Hà Nội, T1 đã có hành vi bán trái phép 05 viên ma túy “keo” và 1 chỉ ma túy loại Ketamine cho Đoàn T.

Đoàn T khai nhận bị cáo biết chỗ mua ma túy, chỉ mình bị cáo liên lạc và mua ma túy với T1, Lưu Văn Q không biết việc bị cáo liên lạc mua ma túy của T1. Sau khi mua được ma túy, T đã cùng với Lưu Văn Q bán trái lại số ma túy trên cho Đinh Văn P tại quán Karaoke 89 có địa chỉ tại Ngọc G, Vĩnh N, Đ, Hà Nội Số tiền thu lời từ việc bán ma túy cho P sẽ chia đều cho T và Q.

Bị cáo Lưu Văn Q khai nhận bị cáo cùng T bán ma túy cho Đinh Văn P. Số tiền thu lời từ việc bán ma túy cho P sẽ chia đều cho T và Q.

Đinh Công S và Đoàn T khai nhận: Khoảng 24 giờ ngày 27/9/2020, các bị cáo có hành vi cho các đối tượng Đinh Văn P, Nguyễn Bá Q1, Đặng Bảo L, Nguyễn Thái H, Phạm Đắc K, Hà Thị L1 và hai nhân viên của quán là Ngân Thị T2 và Sa Thị Minh L2 sử dụng nơi kinh doanh của của S tại quán Karaoke 89 có địa chỉ tại Ngọc G, Vĩnh N, Đ, Hà Nội để sử dụng trái phép chất ma túy thì bị cơ quan công an phát hiện bắt giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, luận tội, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, giữ nguyên toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự, Điều 38, Điểm s khoản 1 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đinh Công S từ 7 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; khoản 1 Điều 251; Điều 38, Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” và xử phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của cả hai tội là 10 năm đến 11 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 38, Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Văn Q 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù bản án số 141/2020/HSST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án là 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Ngọc T1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Tiêu hủy: 01 đĩa màu trắng, bằng sứ, đường kính khoảng 15cm; 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (3x6)cm; 01 thẻ ngân hàng TPBank số 9704235554892937; Sim điện thoại thu giữ của bị cáo Đoàn T gồm: 0373163875, Sim: 0395830503, Sim: 0902166147; Sim điện thoại thu giữ của bị cáo Phan Ngọc T1: 0987988831;

+ Áp dụng Khoản 3 Điều 47, Khoản 5 Điều 251, khoản 3 Điều 256 Bộ luật hình sự:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 10.000 đồng thu giữ được là của các đối tượng sử dụng làm ống hút tự chế để sử dụng ma túy ngày 28/9/2020; số tiền 2.350.000 đồng thu giữ được của bị cáo Đoàn T.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo thu giữ của bị cáo Đoàn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen thu giữ của bị cáo Phan Ngọc T1.

Trả lại bị cáo Đinh Công S 01 quyền hóa đơn thanh toán, 01 Điện thoại Ite của Đinh Công S;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện Đ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền và các quy định khác về điều tra, truy tố.

[2] Về hành vi và tội danh:

Tại các lời khai và chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Do có khách đến hát Karaoke và yêu cầu được sử dụng ma túy tại phòng hát Karaoke do Đinh Công S làm chủ, Đoàn T đã nhận lời cung cấp ma túy cho các đối tượng sử dụng ma túy. Đoàn T đã sử dụng điện thoại 090.166.147 để gọi cho Phan Ngọc T1 số thuê bao 0987.588.831 để liên lạc giao dịch mua ma túy. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 27/9/2020, Nhà nghỉ Việt Đức thuộc địa bàn Thôn Ngọc G, Vĩnh N, Đ, Hà Nội, bị cáo Phan Ngọc T1 và đã có hành vi bán trái phép 05 viên ma túy “keo” và 1 chỉ ma túy loại Ketamine cho bị cáo Đoàn T. Việc mua bán ma túy giữa T và T1, Q không tham gia, không thoả thuận, giao dịch. Sau khi T nhận ma túy từ T1, tại quán Karaoke 89 có địa chỉ tại Thôn Ngọc G, xã Vĩnh N, huyện Đ, thành phố Hà Nội, bị cáo T và bị cáo Q cùng bán số ma túy mua được của T1 cho Đinh Văn P. T và Q cùng hưởng lợi từ việc mua bán ma túy cho Đinh Văn P là 2.300.000 đồng (Theo lời khai của T, số tiền lời chia đều cho Q). Hành vi của các bị cáo Phan Ngọc T1, Lưu Văn Q, Đoàn T đã cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Khoảng 24 giờ cùng ngày 27/9/2020, bị cáo Đinh Công S là chủ quán Karaoke 89, bị cáo Đoàn T bố trí, sắp xếp cho các đối tượng Đinh Văn P, Nguyễn Bá Q1, Đặng Bảo L, Nguyễn Thái H, Phạm Đắc K, Hà Thị L1 và hai nhân viên của quán là Ngân Thị T2 và Sa Thị Minh L2 dùng phòng hát tại quán Karaoke 89 có địa chỉ tại Ngọc G, Vĩnh N, Đ, Hà Nội để sử dụng ma túy và thu lời bất chính từ việc chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy thì bị cơ quan công an phát hiện bắt giữ.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo T1, bị cáo Q, bị cáo T và hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo S, bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy và chất gây nghiện khác, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, là tác nhân làm gia tăng các tệ nạn về ma túy và các loại tội phạm khác trên địa bàn thành phố Hà Nội nói chung, huyện Đ nói riêng. Ma túy với một tác hại khôn lường, do sức tàn phá của nó, chính vì vậy mà Nhà nước và cả cộng đồng xã hội cương quyết bài trừ. Các bị cáo nhận thức được điều này, song vì hám lợi nên vẫn cố tình phạm tội. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung nhằm hạn chế các loại tội phạm khác trên địa bàn huyện Đ, cũng đồng thời tạo một khoảng thời gian để bị cáo được cai nghiện ma túy trong môi trường pháp luật.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ có đủ căn cứ khẳng định bị cáo Phan Ngọc T1, bị cáo Lưu Văn Q, bị cáo Đoàn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định: “*1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*”.

Bị cáo Đoàn T, bị cáo Đinh Công S phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định: “1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

d) Đối với 02 người trở nên”.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo Phan Ngọc T1, Lưu Văn Q, Đoàn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo Đinh Công S, bị cáo Đoàn T về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm d, khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Các đối tượng Đinh Văn P, Nguyễn Bá Q1, Đặng Bảo L, Nguyễn Thái H, Phạm Đắc K, Hà Thị L1, Ngân Thị T2, Sa Thị Minh L2 là những đối tượng cùng sử dụng ma túy nhưng không có hành vi mua bán hay tàng trữ ma túy, không có hành vi thu lợi bất chính từ việc tàng trữ hay sử dụng ma túy tại quán Karaoke của bị cáo S. Vì vậy, xác định các đối tượng trên không phải là tội phạm trong vụ án này. Các đối tượng trên đều đã bị cơ quan Công an xử lý về hành chính theo quy định của pháp luật. Việc xử phạt hành chính các đối tượng trên là đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và tiền án, tiền sự:

- Bị cáo Đinh Công S có nhân thân xấu. Vào năm 2013, bị cáo có 01 tiền án về hành vi Đánh bạc, đã được xóa án tích. Năm 2017, bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích về tội Đánh bạc.

- Bị cáo Đoàn T, Lưu Văn Q, Phan Ngọc T1 đều chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Đoàn T và Phan Ngọc T1 chưa có tiền án tiền sự, chưa bị pháp luật xử lý về hành vi vi phạm pháp luật nên được coi là có nhân thân tốt. Tuy nhiên, đối với bị cáo Lưu Văn Q, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 12 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo Bản án số 141/2020/HSST ngày 17/9/2020. Mặc dù, tại thời điểm phạm tội, bản án này chưa có hiệu lực pháp luật, không tính là tái phạm nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình, Tòa án đã xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để từ đó có hình phạt tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể:

Trong vụ án này, các bị cáo đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về tội lỗi của mình theo Điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo: Đoàn T, Lưu Văn Q, Phan Ngọc T1 đều không có có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Đinh Công S có tiền án chưa được xóa là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm căn cứ theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt:

Hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Xét về hành vi của mỗi bị cáo để lượng hình và cá thể hoá hình phạt của mỗi bị cáo, thấy: Trong tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, hành vi của Đoàn T là nguy hiểm hơn Đinh Công S. Đoàn T 02 lần đề xuất với S để các đối tượng dùng ma túy tại quán hát, lần đầu tiên bị cáo S từ chối không đồng ý cho các đối tượng sử dụng ma túy tại quán, Đoàn T hỏi đến lần thứ hai, S mới đồng ý. Hình phạt đối với Đoàn T lẽ ra sẽ nặng hơn Đinh Công S. Tuy nhiên, do bị cáo S có tình tiết tăng nặng là tái phạm nên hình phạt áp dụng cho hai bị cáo là ngang nhau.

Quyết định hình phạt cho các bị cáo T, Q, T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thấy: Bị cáo Lưu Văn Q có nhân thân xấu, thời điểm phạm tội, bị cáo đã bị xét xử về một tội phạm khác. Tuy bản án đó chưa có hiệu lực pháp luật nhưng thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo Q. Bị cáo T là người giữ vị trí trung gian mua ma túy của T1 để bán cho đối tượng P nên thể hiện hành vi có tính chất nguy hiểm cần có mức hình phạt nghiêm khắc ngang bằng với bị cáo Q. Đối với bị cáo T1, bị cáo mua ma túy về sử dụng, khi có khách thì bán kiếm lời, mức hình phạt của bị cáo thấp hơn so với bị cáo Q và bị cáo T.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án:

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Tiêu hủy các vật chứng có liên quan đến tội phạm gồm: 01 đĩa màu trắng, bằng sứ, đường kính khoảng 15cm; 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (3x6)cm; 01 thẻ ngân hàng TPBank số 9704235554892937; Sim điện thoại thu giữ của bị cáo Đoàn T gồm: 0373163875, Sim: 0395830503, Sim: 0902166147; Sim điện thoại thu giữ của bị cáo Phan Ngọc T1: 0987988831;

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số 10.000 đồng thu giữ được là của các đối tượng sử dụng làm ống hút tự chế để sử dụng ma túy ngày 28/9/2020; số tiền 2.350.000 đồng thu giữ được của bị cáo Đoàn T; + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo thu giữ của bị cáo Đoàn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen thu giữ của bị cáo Phan Ngọc T1 do được sử dụng để liên lạc mua bán ma túy.

Trả lại bị cáo Đinh Công S 01 quyền hóa đơn thanh toán, 01 Điện thoại Ite của do không liên quan đến tội phạm;

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điểm d khoản 2 Điều 256 , Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đinh Công S;
- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 251, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lưu Văn Q, bị cáo Phan Ngọc T1;
- Căn cứ Khoản 1 Điều 251, Điểm d khoản 2 Điều 256 , Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn T;
- Căn cứ vào Điều 3, Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Công S, Đoàn T phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; Bị cáo Đoàn T, Lưu Văn Q, Phan Ngọc T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt Bị cáo Đinh Công S 07 (bảy) năm 06(sáu) tháng tù về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2020.

Xử phạt Bị cáo Đoàn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai tội là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2020.

Xử phạt Bị cáo Lưu Văn Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù của bản án số 141/2020/HSST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2020 (Được trừ thời hạn tạm giữ từ 17/5/2020 đến 26/5/2020).

Xử phạt Bị cáo Phan Ngọc T1 24 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ 30/9/2020 đến ngày 07/10/2020.

Về xử lý vật chứng:

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Tiêu hủy: 01 đĩa màu trắng, bằng sứ, đường kính khoảng 15cm; 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (3x6)cm; 01 thẻ ngân hàng TPBank số

9704235554892937; Sim điện thoại thu giữ của bị cáo Đoàn T gồm: 0373163875, Sim: 0395830503, Sim: 0902166147; Sim điện thoại thu giữ của bị cáo Phan Ngọc T1: 0987988831;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ Số tiền 10.000 đồng thu giữ được là của các đối tượng sử dụng làm ống hút tự chế để sử dụng ma túy ngày 28/9/2020;

+ Số tiền 2.350.000 đồng thu giữ được của bị cáo Đoàn T.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen thu giữ của bị cáo Phan Ngọc T1.

Trả lại bị cáo Đình Công S 01 quyền hóa đơn thanh toán, 01 Điện thoại IteI của Đình Công S;

Về án phí:

Các bị cáo Đình Công S, Đoàn T, Lưu Văn Q, Phan Ngọc T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt.

Nơi nhân:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Vĩnh N, Đ, Hà Nội;
- UBND xã Mai L, Đ, Hà Nội;
- UBND xã Hồ S, Tam Đ, Vĩnh Phúc;
- UBND xã Cát Tường, Phù Cát, Bình Định;
- Sở TP Thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thúy Hà

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 05 tháng 02 năm 2021

Tại: phòng nghị án tầng 1 - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán sơ cấp- Chủ tọa phiên toà: Bà *Triệu Thúy Hà*
- Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Mai- Cán bộ hưu trí.**
2. Ông Dương Xuân Thìn- Cán bộ hưu trí.

Tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2021 đối với:

1. Họ tên: Đinh Công S, sinh năm 1989 tại Hà Nội; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Ngọc G, xã Vĩnh N, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 08/12; Bố đẻ: Đinh Văn Đoán (đã chết); Mẹ đẻ: Đinh Thị Phú; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Hạ Thị Hoa. Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016.

Về Nhân thân:

Tiền án, tiền sự: 02 tiền án.

+ Ngày 17/8/2013, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 23 tháng 12 ngày kể từ ngày 17/8/2013 về tội Đánh bạc (Bản án số 603/2013/HSPT). Xác minh thi hành án dân sự xác định bị cáo đã chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí ngày 11/10/2013. Án tích đã được xóa.

+ Ngày 29/5/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 25 tháng tù về tội Đánh bạc (Bản án số 372/2017/HSPT). Ra trại ngày 17/4/2019. Xác minh thi hành án dân sự xác định bị cáo đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự và án phí ngày 26/6/2017 và 13/8/2018. Án tích chưa được xóa.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/9/2020, tạm giam từ ngày 07/10/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – CATP Hà Nội. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Họ tên: Đoàn T, sinh năm 1999 tại Bình Định; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Chánh L, Cát Tường, Phú C, Bình Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Đoàn Thừa; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Kim Thủy; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo chưa có vợ, con.

Về Nhân thân:

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/9/2020, tạm giam từ ngày 07/10/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại giam số 1 - CATP Hà Nội (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Họ tên: Lưu Văn Q, sinh năm 1996 tại Vĩnh Phúc; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Núc H, Hồ S, Tam Đ, Vĩnh Phúc; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Lưu Văn Dũng; Mẹ đẻ: Hoàng Thị H; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Nguyễn Thị Thanh Hằng. Có 01 con sinh năm 2020.

Về Nhân thân:

Tiền án, tiền sự: 01 tiền án.

Ngày 17/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 12 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (Bản án số 141/2020/HSST). Đến khi phạm tội Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/9/2020, tạm giam từ ngày 07/10/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại giam số 1 - CATP Hà Nội (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Họ tên: Phan Ngọc T1, sinh năm 1997 tại Hà Nội; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Lộc H, Mai L, Đ, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 11/12; Bố đẻ: Phan Ngọc Anh; Mẹ đẻ: Lê Thị Nền; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai. Bị cáo chưa có vợ, con.

Về Nhân thân:

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 30/9/2020, tạm giam từ ngày 07/10/2020 được hủy bỏ Quyết định tạm giữ, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đinh Văn P (SN: 1989; HKTT: Đồng T, Triệu S, Thanh Hóa)
2. Đặng Bảo L (SN: 1995; HKTT: Dư Hàng K, Lê C, Hải Phòng)
3. Nguyễn Thái H (SN: 1994; HKTT: Phố 5, phường Đông C, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa)
4. Phạm Đắc K (SN: 1997; HKTT: Phố 5, phường Đông C, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa)
5. Hà Thị L1 (SN: 2001; HKTT: Thọ P, Kiên T, Ngọc L, Thanh Hóa).
6. Ngân Thị T2 (SN: 1999; HKTT: Bản L, Sơn L, Văn C, Yên Bái).
7. Sa Thị Minh L2 (SN: 2000; HKTT: Nà L, Sơn L, Văn C, Yên Bái).
8. Nguyễn Yến N (SN: 06/8/2003, HKTT: Tổ 22, Túc D, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên).
9. Nguyễn Bá Q1 (SN: 1994; HKTT: Thôn 4, thị trấn N, Triệu S, Thanh Hóa)
10. Đinh Văn T3 (SN: 1978; HKTT: Ngọc G, Vĩnh N, Đ, Hà Nội).

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về tính hợp pháp của chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp; tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 xác định:

Các chứng cứ, tài liệu đều được thu thập, cung cấp hợp pháp. Không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

2/ Về tội danh: Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3:

Bị cáo Đinh Công S, Đoàn T phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”;

Bị cáo Đoàn T, Lưu Văn Q, Phan Ngọc T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

3/ Điều luật áp dụng và hình phạt:

Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3:

- Căn cứ Điểm d khoản 2 Điều 256, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đinh Công S;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 251, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lưu Văn Q, bị cáo Phan Ngọc T1;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 251, Điểm d khoản 2 Điều 256, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn T;

Xử phạt Bị cáo Đinh Công S 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2020.

Xử phạt Bị cáo Đoàn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai tội là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2020.

Xử phạt Bị cáo Lưu Văn Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2020. Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù (Được trừ thời hạn tạm giữ từ 17/5/2020 đến 26/5/2020) của bản án số 141/2020/HSST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Xử phạt Bị cáo Phan Ngọc T1 24 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ 30/9/2020 đến ngày 07/10/2020.

4/ Các vấn đề khác: Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3:

- Căn cứ khoản 1 Điều 47; Bộ luật hình sự; khoản 2 điểm a Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331; Điều 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Tiêu hủy: 01 đĩa màu trắng, bằng sứ, đường kính khoảng 15cm; 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (3x6)cm; 01 thẻ ngân hàng TPBank số 9704235554892937; Sim điện thoại thu giữ của bị cáo Đoàn T gồm: 0373163875, Sim: 0395830503, Sim: 0902166147; Sim điện thoại thu giữ của bị cáo Phan Ngọc T1: 0987988831;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ Số tiền 10.000 đồng thu giữ được là của các đối tượng sử dụng làm ống hút tự chế để sử dụng ma túy ngày 28/9/2020;

+ Số tiền 2.350.000 đồng thu giữ được của bị cáo Đoàn T.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen thu giữ của bị cáo Phan Ngọc T1.

Trả lại bị cáo Đình Công S 01 quyền hóa đơn thanh toán, 01 Điện thoại ITEL của Đình Công S;

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt.

Biên bản nghị án đã được các thành viên Hội đồng xét xử đọc lại, nhất trí 100% (3/3) thông qua./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	
HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN
	CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA